ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TOÀN LƯU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:01 /2026/QĐ-UBND	*Toàn Lưu, ngày 26 tháng10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Toàn Lưu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Phòng Văn hóa - Xã hội tại Văn bản số 88 /TTr-VHXH ngày 20/10/2026; ý kiến thẩm định của Văn phòng HĐND và UBND xã tại Báo cáo số 09/BC-VP ngày 15/10/2026; ý kiến thống nhất các Thành viên Ủy ban nhân dân xã; Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định về Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn xã Toàn Lưu.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn xã Toàn Lưu.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 07/11/2026, thay thế các Quyết định trước đó của UBND xã ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn.

2. Chánh Văn phòng HĐND và UBND; Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội; các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc UBND xã; Thôn trưởng các thôn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Sở Nội vụ; (báo cáo)
- Thường trực: Đảng ủy; HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- TT UBMTTQ; các đoàn thể;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Dương Đức Toàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TOÀN LƯU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Toàn Lưu

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể việc thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Toàn Lưu; quyền, nghĩa vụ của công dân; trách nhiệm của chính quyền địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các thôn, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc bảo đảm và thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Những nội dung không được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Bảo đảm quyền của công dân được biết, tham gia ý kiến, bàn và quyết định, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, vai trò nòng cốt của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Thực hiện dân chủ trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính, trật tự, an toàn xã hội; không lợi dụng dân chủ để vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; tôn trọng, tiếp thu ý kiến chính đáng của Nhân dân.

5. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân; thực hiện dân chủ gắn với trách nhiệm của công dân và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

Điều 3. Quyền của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Được thông tin, được yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Được tham gia ý kiến, bàn và quyết định đối với những nội dung thuộc phạm vi Nhân dân được tham gia theo quy định.

3. Được kiểm tra, giám sát, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

4. Được bảo vệ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp khi thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 4. Nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Quy chế này.

2. Tham gia đầy đủ, có trách nhiệm đối với những nội dung được đưa ra để Nhân dân bàn, quyết định hoặc tham gia ý kiến.

3. Chấp hành quyết định hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền và quyết định hợp pháp của cộng đồng dân cư.

4. Chịu trách nhiệm về nội dung kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo do mình thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Điều 5. Các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở thôn trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Bảo đảm điều kiện, cơ sở vật chất, phương tiện và ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp để Nhân dân tiếp cận thông tin, tham gia ý kiến, giám sát và phản ánh, kiến nghị.

4. Kịp thời biểu dương, khen thưởng tổ chức, cá nhân thực hiện tốt; xử lý nghiêm hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Gây khó khăn, phiền hà, cản trở công dân thực hiện quyền dân chủ.

2. Bao che, cản trở, trù dập hoặc thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

3. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Lợi dụng dân chủ để xuyên tạc, vu khống, kích động bạo lực, gây mất đoàn kết, gây mất an ninh, trật tự.

5. Giả mạo giấy tờ, gian lận hoặc sử dụng thủ đoạn khác làm sai lệch kết quả bàn, quyết định, lấy ý kiến, kiểm tra, giám sát của Nhân dân.

Chương II
THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ

Mục 1
CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 7. Nội dung chính quyền địa phương xã phải công khai

UBND xã thực hiện công khai các nội dung theo quy định tại Điều 11 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và pháp luật có liên quan.

1. Nội dung công khai tập trung vào các lĩnh vực: kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; ngân sách và hoạt động tài chính; chương trình, dự án, công trình đầu tư; đất đai, quy hoạch, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; quy chế thực hiện dân chủ; quản lý, sử dụng tài sản công, các quỹ và khoản huy động Nhân dân đóng góp; chính sách an sinh xã hội; thực hiện nghĩa vụ quân sự; kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết vụ việc; kế hoạch và kết quả lấy ý kiến Nhân dân; phí, lệ phí; thủ tục hành chính và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

2. Không công khai những thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hình thức và thời điểm công khai thông tin

Việc công khai thông tin được thực hiện bằng một hoặc nhiều hình thức phù hợp, gồm:

a) Niêm yết tại trụ sở UBND xã;

b) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của xã;

c) Thông tin trên hệ thống truyền thanh;

d) Thông qua Thôn trưởng;

đ) Gửi văn bản đến công dân, hộ gia đình hoặc tổ chức có liên quan;

e) Thông qua hội nghị, cuộc họp, hội nghị đối thoại;

g) Thông qua hoạt động tiếp công dân, tiếp xúc cử tri và các hình thức phù hợp khác;

h) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp và các phương tiện thông tin phù hợp.

2. Thời điểm, thời hạn và hình thức công khai từng nội dung thực hiện theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và pháp luật chuyên ngành.

3. Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể về thời điểm công khai thì UBND xã thực hiện công khai kịp thời sau khi nội dung được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định hoặc ban hành.

4. Trường hợp thông tin đã công khai có thay đổi, điều chỉnh thì phải kịp thời công khai nội dung thay đổi, điều chỉnh theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin

1. UBND xã xây dựng kế hoạch hoặc tổ chức thực hiện việc công khai thông tin theo quy định, xác định rõ nội dung, hình thức, thời điểm và trách nhiệm thực hiện.

2. Chủ tịch UBND xã chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc công khai thông tin; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tổ chức thực hiện thuộc thẩm quyền.

3. Phòng, đơn vị được giao chủ trì tham mưu nội dung có trách nhiệm chuẩn bị thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn để thực hiện công khai.

4. Văn phòng HĐND và UBND xã phối hợp thực hiện việc đăng tải, niêm yết, lưu trữ hồ sơ công khai theo quy định.

5. UBND xã tổng hợp, báo cáo HĐND xã và gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã theo quy định.

Mục 2
NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH

Điều 10. Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định

Nhân dân bàn và quyết định các nội dung theo quy định tại Điều 15 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm:

1. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.

2. Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc tiếp nhận từ các nguồn hợp pháp.

3. Nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

4. Bầu, cho thôi làm Thôn trưởng.

5. Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định.

6. Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

Điều 11. Đề xuất nội dung để Nhân dân bàn và quyết định

1. Đối với nội dung có phạm vi thực hiện trên địa bàn xã, Chủ tịch UBND xã sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã quyết định nội dung, lựa chọn hình thức và chỉ đạo, hướng dẫn Thôn trưởng tổ chức để Nhân dân bàn và quyết định theo quy định.

2. Đối với nội dung chỉ có phạm vi thực hiện trong thôn, Thôn trưởng sau khi thống nhất với Trưởng ban Công tác Mặt trận ở thôn đề xuất nội dung để cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

3. Công dân cư trú tại thôn có sáng kiến đề xuất nội dung để cộng đồng dân cư bàn và quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Hình thức Nhân dân bàn và quyết định

1. Nhân dân bàn và quyết định thông qua một trong các hình thức:

a) Cuộc họp của cộng đồng dân cư;

b) Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình;

c) Biểu quyết trực tuyến phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

2. Việc lựa chọn hình thức thực hiện phải bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan, thuận lợi cho Nhân dân tham gia.

3. Đối với các nội dung pháp luật quy định phải thực hiện tại cuộc họp của cộng đồng dân cư thì không sử dụng hình thức khác để thay thế, trừ trường hợp pháp luật có quy định.

Điều 13. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư

1. Thôn trưởng triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư theo quy định.

2. Trường hợp khuyết Thôn trưởng thì Chủ tịch UBND xã thực hiện việc chỉ định hoặc triệu tập theo quy định của pháp luật.

3. Thành phần tham dự gồm Thôn trưởng, Ban Công tác Mặt trận ở thôn và đại diện các hộ gia đình.

4. Trường hợp thôn có từ 200 hộ gia đình trở lên hoặc địa bàn dân cư sinh sống không tập trung thì có thể tổ chức họp theo cụm dân cư theo quy định.

5. Trình tự cuộc họp thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Nghị định số 59/2023/NĐ-CP, bảo đảm các nội dung chủ yếu: tuyên bố lý do, giới thiệu thư ký; trình bày nội dung; thảo luận; biểu quyết; công bố kết quả và kết luận cuộc họp.

Điều 14. Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình

1. Việc phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình được thực hiện theo quy định của pháp luật trong các trường hợp thuộc thẩm quyền lựa chọn hoặc khi cuộc họp cộng đồng dân cư không bảo đảm điều kiện để biểu quyết.

2. Thôn trưởng phối hợp với Trưởng ban Công tác Mặt trận xây dựng kế hoạch, tổ chức phát phiếu và công khai nội dung, thời gian, thời hạn, thành phần thực hiện.

3. Mỗi hộ gia đình được phát một phiếu. Việc phát, thu và tổng hợp phiếu phải bảo đảm chính xác, khách quan, công khai.

Điều 15. Quyết định của cộng đồng dân cư

1. Quyết định của cộng đồng dân cư được thể hiện bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

2. Văn bản phải thể hiện đầy đủ thời gian, địa điểm, thành phần, nội dung bàn và quyết định, hình thức biểu quyết, kết quả biểu quyết và nội dung quyết định.

3. Kết quả phải được công khai cho Nhân dân biết.

4. Quyết định của cộng đồng dân cư được gửi UBND xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã theo thời hạn quy định.

Điều 16. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung quyết định của cộng đồng dân cư

1. Quyết định của cộng đồng dân cư có hiệu lực theo quy định tại Điều 21 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Quyết định của cộng đồng dân cư phải được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ khi trái pháp luật, không bảo đảm trình tự, thủ tục hoặc khi cộng đồng dân cư thấy cần thiết.

3. UBND xã thực hiện việc xử lý hoặc hướng dẫn xử lý đối với quyết định của cộng đồng dân cư theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư

1. UBND xã tổ chức thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư thuộc phạm vi trách nhiệm; kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các quyết định có phạm vi trong thôn.

2. Thôn trưởng tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư; công khai kết quả thực hiện và báo cáo UBND xã.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã hướng dẫn, giám sát việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư.

4. Nhân dân có trách nhiệm tham gia, chấp hành và giám sát việc thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư.

Mục 3
NHÂN DÂN THAM GIA Ý KIẾN

Điều 18. Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến

1. Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với các nội dung theo Điều 25 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm:

2. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã và các nội dung khác theo quy định.

3. Dự thảo quy hoạch sử dụng đất và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao UBND xã quản lý.

4. Chủ trương, chính sách, dự án, phương án đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư và các nội dung có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng theo quy định.

5. Dự thảo đề án liên quan đến thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; thành lập, giải thể, nhập, chia, đặt tên, đổi tên thôn, ghép cụm dân cư.

6. Dự thảo quyết định hành chính của UBND xã có liên quan đến lợi ích cộng đồng theo quy định.

7. Dự thảo nhiệm vụ và đồ án quy hoạch thuộc phạm vi lấy ý kiến của Nhân dân.

8. Dự thảo Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy chế khác theo quy định.

9. Dự thảo quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của công dân là đối tượng thi hành theo quy định.

10. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật hoặc khi cơ quan có thẩm quyền thấy cần thiết lấy ý kiến Nhân dân.

Điều 19. Hình thức Nhân dân tham gia ý kiến

1. Việc lấy ý kiến Nhân dân được thực hiện bằng một hoặc nhiều hình thức:

a) Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND xã với Nhân dân;

b) Cuộc họp cộng đồng dân cư;

c) Phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình;

d) Hòm thư góp ý, đường dây nóng;

đ) Thông qua Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội;

e) Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử;

g) Mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp;

h) Đối thoại, lấy ý kiến trực tiếp đối với công dân là đối tượng thi hành quyết định hành chính.

2. Việc lựa chọn hình thức phải phù hợp với nội dung, đối tượng, phạm vi, điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

Điều 20. Lấy ý kiến công dân là đối tượng thi hành quyết định hành chính

1. Trước khi ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của công dân là đối tượng thi hành, UBND xã thực hiện việc thông tin và tạo điều kiện để công dân trình bày ý kiến theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp quyết định áp dụng đối với nhiều đối tượng hoặc xét thấy cần thiết, UBND xã tổ chức đối thoại, lấy ý kiến trực tiếp.

3. Ý kiến của công dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải được tổng hợp đầy đủ; việc giải trình, tiếp thu được thể hiện trong hồ sơ theo quy định.

4. Việc lấy ý kiến, đối thoại không làm thay đổi thẩm quyền, trách nhiệm quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến Nhân dân

1. UBND xã xây dựng kế hoạch lấy ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền; xác định rõ nội dung, hình thức, thời gian, đối tượng, trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. UBND xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức lấy ý kiến Nhân dân.

3. Thời gian lấy ý kiến thực hiện theo quy định của pháp luật; trường hợp pháp luật quy định thời gian cụ thể thì thực hiện theo quy định đó.

4. Chủ tịch UBND xã chỉ đạo việc tiếp nhận, tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và công khai kết quả theo quy định.

5. Đối với nội dung do cơ quan cấp trên giao lấy ý kiến, UBND xã tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã phối hợp tổ chức lấy ý kiến và thực hiện giám sát theo quy định.

Điều 22. Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia ý kiến

1. Tích cực tham gia ý kiến đối với những nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích và đời sống của cộng đồng.

2. Tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham dự các cuộc họp, hội nghị lấy ý kiến.

3. Theo dõi việc tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và việc tổ chức thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Mục 4
NHÂN DÂN KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 23. Nội dung kiểm tra, giám sát

1. Công dân kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà Nhân dân đã bàn và quyết định.

2. Công dân giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở; việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương, cán bộ, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn.

3. Công dân kiểm tra, giám sát việc thực hiện các khoản đóng góp, công trình, dự án, hương ước, quy ước và các công việc tự quản của cộng đồng dân cư theo quy định.

Điều 24. Hình thức kiểm tra, giám sát

1. Công dân trực tiếp kiểm tra, giám sát thông qua:

a) Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt;

b) Quan sát, tìm hiểu, trao đổi với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở thôn và Nhân dân;

c) Tiếp cận các thông tin, báo cáo được công khai;

d) Tham dự hội nghị đối thoại, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, hội nghị cộng đồng dân cư và các cuộc họp khác theo quy định.

2. Công dân thực hiện kiểm tra, giám sát thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Ban Thanh tra nhân dân ở xã, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác theo quy định.

Điều 25. Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND xã với Nhân dân

1. Hằng năm, UBND xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã tổ chức ít nhất một hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân về tình hình hoạt động của UBND xã và những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công dân ở địa phương.

2. Nội dung, thành phần, hình thức, trình tự tổ chức hội nghị thực hiện theo pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Ý kiến, kiến nghị của Nhân dân tại hội nghị phải được tổng hợp, phân loại, xử lý hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết; kết quả giải quyết phải được thông tin đến Nhân dân theo quy định.

Điều 26. Hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư

1. Hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư được tổ chức theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

2. Thôn trưởng triệu tập, chủ trì hội nghị; thành phần tham dự là đại diện các hộ gia đình trong thôn.

3. Hội nghị tập trung đánh giá tình hình cộng đồng dân cư, kết quả thực hiện các nội dung đã được Nhân dân bàn và quyết định, tình hình thực hiện dân chủ ở thôn và các vấn đề liên quan.

Điều 27. Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát của Nhân dân

1. Nhân dân thực hiện quyền đánh giá mức độ hài lòng đối với hoạt động của chính quyền địa phương và cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết công việc của công dân.

2. Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm, công dân có quyền khiếu nại, tố cáo hoặc kiến nghị, phản ánh đến cơ quan, người có thẩm quyền; Thôn trưởng; Ban Công tác Mặt trận; Ban Thanh tra nhân dân; Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Ban Thanh tra nhân dân ở xã và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Trách nhiệm bảo đảm để Nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo thẩm quyền.

2. UBND xã:

a) Duy trì các hình thức tiếp nhận góp ý, kiến nghị, phản ánh và đánh giá mức độ hài lòng của Nhân dân;

b) Xem xét, giải quyết, giải trình, trả lời kịp thời các kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền;

c) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã xây dựng, tổ chức thực hiện Quy chế;

d) Tạo điều kiện để Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện nhiệm vụ;

đ) Xử lý theo thẩm quyền đối với hành vi cản trở, trả thù, trù dập người thực hiện quyền kiểm tra, giám sát.

Công dân chịu trách nhiệm về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình và phối hợp trong quá trình xác minh, kiểm tra, giám sát.

Mục 5
BAN THANH TRA NHÂN DÂN Ở XÃ

Điều 29. Tổ chức Ban Thanh tra nhân dân ở xã

1. Ban Thanh tra nhân dân ở xã gồm các thành viên được bầu từ các thôn trên địa bàn xã. Số lượng thành viên tương ứng số lượng thôn nhưng không ít hơn 05 người.

2. Nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân theo nhiệm kỳ của Thôn trưởng.

3. Trường hợp khuyết thành viên và thời gian còn lại của nhiệm kỳ từ 06 tháng trở lên thì thực hiện bầu bổ sung theo quy định.

4. Ban Thanh tra nhân dân gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên.

Điều 30. Tiêu chuẩn thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã

1. Có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có đủ sức khỏe, có hiểu biết về chính sách, pháp luật và tự nguyện tham gia.

2. Là công dân thường trú trên địa bàn và không đồng thời là cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân ở xã

1. Kiểm tra việc thực hiện các quyết định của Nhân dân; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật và pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị.

3. Yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu liên quan phục vụ việc kiểm tra, giám sát theo quy định.

4. Xem xét, xác minh vụ việc cụ thể theo kiến nghị của công dân, cộng đồng dân cư.

5. Kiến nghị Chủ tịch UBND xã, cán bộ, công chức xã, Thôn trưởng khắc phục hạn chế, thiếu sót được phát hiện.

6. Tham dự các cuộc họp của HĐND, UBND xã có nội dung liên quan đến nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban.

7. Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân, cộng đồng dân cư theo phạm vi nhiệm vụ.

Điều 32. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã

1. Ban Thanh tra nhân dân ở xã do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động.

2. Ban Thanh tra nhân dân xây dựng phương hướng, nội dung, kế hoạch hoạt động theo quý, 06 tháng và hằng năm.

3. Ban Thanh tra nhân dân báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

Điều 33. Trách nhiệm bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân

1. UBND xã:

a) Cung cấp hoặc chỉ đạo cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo quy định;

b) Xem xét, giải quyết kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân; thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn theo quy định;

c) Thông báo kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tình hình thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở;

d) Xử lý hành vi cản trở hoạt động hoặc trả thù, trù dập thành viên Ban Thanh tra nhân dân.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã:

a) Hướng dẫn tổ chức bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân;

b) Công nhận kết quả bầu thành viên;

c) Hướng dẫn xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động;

d) Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị;

đ) Hỗ trợ điều kiện, kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.

Mục 6
BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

Điều 34. Tổ chức Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã quyết định thành lập theo từng chương trình, dự án thuộc phạm vi pháp luật quy định.

2. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có ít nhất 05 thành viên, gồm đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Ban Thanh tra nhân dân ở xã và đại diện người dân tại thôn nơi có chương trình, dự án.

3. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

4. Ban có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên.

Điều 35. Tiêu chuẩn thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, công tâm, có uy tín trong cộng đồng, có đủ sức khỏe, có hiểu biết về chính sách, pháp luật hoặc lĩnh vực liên quan đến chương trình, dự án và tự nguyện tham gia.

2. Là công dân thường trú trên địa bàn.

3. Không đồng thời là cán bộ, công chức cấp xã và không có người thân thuộc các trường hợp pháp luật quy định không được tham gia Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Điều 36. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Theo dõi, giám sát sự phù hợp của chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch; việc chấp hành các quy định về đất đai, xây dựng, môi trường, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư; tiến độ thực hiện và việc công khai thông tin của chương trình, dự án.

2. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn, công sức của cộng đồng dân cư, ngân sách cấp xã hoặc nguồn tài trợ trực tiếp cho cấp xã, thực hiện giám sát việc tuân thủ quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức, chủng loại vật tư, nghiệm thu và quyết toán theo quy định.

3. Phát hiện, phản ánh những hành vi gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản; những tác động tiêu cực đến môi trường và lợi ích cộng đồng.

4. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền, chủ chương trình, chủ đầu tư và ban quản lý chương trình, dự án cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động giám sát theo quy định.

5. Tiếp nhận thông tin phản ánh của công dân; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý khi phát hiện dấu hiệu vi phạm.

6. Trường hợp cần thiết, kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ việc thực hiện, vận hành dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã trực tiếp chỉ đạo hoạt động.

2. Ban xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát theo hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

3. Ban thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về kết quả giám sát.

4. Trưởng Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được mời tham dự các cuộc họp của HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã có nội dung liên quan đến chương trình, dự án thuộc phạm vi giám sát.

Điều 38. Trách nhiệm bảo đảm hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã:

a) Chủ trì việc thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

b) Hướng dẫn việc bầu, công nhận thành viên và tổ chức Ban;

c) Hướng dẫn xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát;

d) Đôn đốc việc giải quyết kiến nghị;

đ) Hỗ trợ điều kiện và kinh phí hoạt động theo quy định.

2. UBND xã:

a) Bố trí điều kiện cần thiết để Ban hoạt động;

b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết;

c) Xem xét, giải quyết kiến nghị của Ban theo thẩm quyền và thông báo kết quả;

d) Xử lý hành vi cản trở hoặc trả thù, trù dập thành viên Ban theo quy định.

Chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời tài liệu liên quan; tạo điều kiện để Ban thực hiện giám sát và tiếp thu, thông báo kết quả xử lý kiến nghị theo quy định.

Chương III
TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND xã

1. Chịu trách nhiệm chỉ đạo chung việc thực hiện Quy chế trên địa bàn xã.

2. Chỉ đạo thực hiện công khai thông tin; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân; tổ chức đối thoại; tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh và bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của Nhân dân.

3. Chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc UBND xã thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao.

4. Định kỳ kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện dân chủ ở cơ sở; kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót.

Điều 40. Trách nhiệm của Văn phòng HĐND và UBND xã

1. Tham mưu UBND xã tổ chức thực hiện các nội dung dân chủ thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ.

2. Phối hợp công khai thông tin; tiếp nhận, theo dõi, tổng hợp và tham mưu xử lý kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

3. Phối hợp tổ chức hội nghị đối thoại, các cuộc họp lấy ý kiến Nhân dân.

4. Theo dõi việc thực hiện chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, tài liệu về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 41. Trách nhiệm của Phòng Văn hóa – Xã hội

1. Tham mưu UBND xã tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các phòng, đơn vị, thôn triển khai thực hiện Quy chế.

3. Tổng hợp, tham mưu báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện dân chủ ở cơ sở.

4. Phối hợp kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quy chế; tham mưu sửa đổi, bổ sung khi cần thiết.

Điều 42. Trách nhiệm của các phòng, đơn vị thuộc UBND xã

1. Chủ động thực hiện dân chủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn để thực hiện công khai.

3. Tổ chức hoặc phối hợp lấy ý kiến Nhân dân đối với những nội dung thuộc trách nhiệm.

4. Tiếp nhận, giải quyết hoặc tham mưu giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân theo thẩm quyền.

5. Thực hiện nghiêm trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm về nội dung tham mưu, cung cấp thông tin.

Điều 43. Trách nhiệm của Thôn trưởng

1. Tổ chức thực hiện dân chủ tại thôn theo quy định.

2. Tổ chức các cuộc họp cộng đồng dân cư, phát phiếu lấy ý kiến và các hình thức lấy ý kiến khác theo thẩm quyền.

3. Công khai kết quả bàn, quyết định của cộng đồng dân cư.

4. Tổ chức thực hiện và theo dõi việc thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư.

5. Tiếp nhận, tổng hợp kiến nghị, phản ánh của Nhân dân và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền.

6. Phối hợp với Ban Công tác Mặt trận, Ban Thanh tra nhân dân và các tổ chức có liên quan trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 44. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã

1. Phối hợp với UBND xã tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Hướng dẫn, giám sát việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định, tham gia ý kiến, kiểm tra, giám sát.

3. Hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định.

4. Phối hợp tổ chức hội nghị đối thoại, lấy ý kiến Nhân dân.

5. Tiếp nhận, tổng hợp kiến nghị, phản ánh của Nhân dân; giám sát việc giải quyết kiến nghị, phản ánh theo quy định.

Điều 45. Trách nhiệm của công dân, hộ gia đình và các tổ chức trên địa bàn xã

1. Công dân, hộ gia đình thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở thôn phải gương mẫu thực hiện và tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật và Quy chế.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện để Nhân dân thực hiện quyền dân chủ theo quy định.

Điều 46. Tổ chức thực hiện và sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Các phòng, đơn vị thuộc UBND xã; Thôn trưởng; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã; Ban Thanh tra nhân dân; Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

4. Trường hợp phát sinh vấn đề chưa được quy định hoặc quy định chưa phù hợp, các phòng, đơn vị, thôn và tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về UBND xã thông qua Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, tham mưu xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy chế theo thẩm quyền./.